SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
**BỆNH VIỆN ĐKKV VĨNH LINH**
Số: 72/TM-BVĐKVL

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THƯ MỜI

**V/v mời báo giá May trang phục y tế và đồ vải năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh**

**Kính gửi:** Các đơn vị có khả năng cung cấp, may đo trang phục y tế và đồ vải

Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: May trang phục y tế và đồ vải năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin chung:**

1. Tên dự toán/gói thầu: May trang phục y tế và đồ vải năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh.

2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết danh mục và yêu cầu kỹ thuật theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

3. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh.

**II. Yêu cầu đối với báo giá:**

1. Giá báo: Đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, đo đạc, nhân công may, giao hàng và các chi phí liên quan khác tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh.

2. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ban hành báo giá.

3. Hồ sơ báo giá bao gồm: Bản báo giá (ghi rõ đơn giá, thành tiền từng loại, thời gian giao hàng, hiệu lực báo giá, do đại diện hợp pháp của Đơn vị ký tên, đóng dấu).

- Bảng mô tả thông số kỹ thuật, chất liệu vải
- Catalog/mẫu vải (nếu có).

4. Hình thức gửi báo giá:

- Bản scan PDF (có ký tên, đóng dấu) gửi qua email
- Bản gốc bằng giấy qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp.

5. Thời gian nhận báo giá: Từ ngày phát hành Thư mời báo giá đến trước 17 giờ 00 phút, ngày 15/9/2026 (trong giờ hành chính).

**III. Địa chỉ nhận báo giá:**

- Người nhận: Bà Nguyễn Thị An – Phòng TCCB – HCQT, Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh.
- Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Số điện thoại: 0914.929.769
- Email nhận file mềm: bvdkkvvl.syt@quangtri.gov.vn

- Hình thức đăng tải thư mời: Đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn) và Website của Bệnh viện Đa khoa khu vực Vĩnh Linh.

Lưu ý: Hồ sơ báo giá gửi sau thời hạn quy định hoặc không đúng quy cách sẽ không được xem xét. Báo giá của Quý Đơn vị sẽ là căn cứ để Bệnh viện thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác từ Quý Đơn vị.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC VĨNH LINH

**Trần Cảnh Toàn**

# DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ

*(Kèm theo Thư mời báo giá số 72/TM –BVĐKVL ngày 03/8/2026)*

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trang phục Bác sĩ | Áo | 62 | - Màu sắc: Màu trắng<br>- Loại vải: Kaki thun hoặc tương đương<br>- Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế; áo blouse cổ bẻ Danton, dài tay hoặc ngắn tay, cúc nhựa cùng màu vải, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 03 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa đến ngang mông.<br>- Logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân.<br>(Số lượng 61 áo ngắn tay, 01 áo dài tay) |
| 2 | Trang phục Bác sĩ ( Áo + quần) | Bộ | 3 | - Màu sắc: Màu trắng<br>- Loại vải: Kaki thun hoặc tương đương<br>- Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế; áo blouse cổ bẻ Danton, ngắn tay, cúc nhựa cùng màu vải ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 03 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa đến ngang mông. Quần: Lưng thun bản rộng 2-3 cm (±0,3 cm), may chắc chắn chống xoắn, dồn thun, 2 túi chéo.<br>- Logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 3 | Trang phục Dược sĩ (Áo, quần) | Bộ | 7 | - Màu sắc: Màu trắng<br>- Loại vải: Kaki thun hoặc tương đương<br>- Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, cúc nhựa cùng màu vải, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Quần: Lưng thun bản rộng 2-3 cm (±0,3 cm), may chắc chắn chống xoắn, dồn thun, 2 túi chéo.<br>- Logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 4 | Trang phục dược sĩ (áo) | Áo | 10 | - Màu sắc: Màu trắng<br>- Loại vải: Kaki thun hoặc tương đương<br>Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, cúc nhựa cùng màu vải, ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông.<br>- Logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 5 | Mũ bác sĩ, dược sĩ | Cái | 46 | - Màu trắng, kiểu dáng phù hợp trang phục y tế, chất liệu đồng bộ với áo |
| 6 | Trang phục Điều dưỡng, y sĩ, hộ sinh (Áo, quần, mũ) | Bộ | 84 | - Màu sắc: Màu trắng<br>- Loại vải: Kate ford hoặc tương đương<br>- Quy cách & Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, cúc nhựa cùng màu vải, ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm. Quần: Lưng thun bản rộng 2-3 cm (±0,3 cm), may chắc chắn chống xoắn, dồn thun, 2 túi chéo. Mũ: Vải đồng bộ với áo quần.<br>- In logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 7 | Trang phục kỹ thuật viên ( áo, quần, mũ) | Bộ | 18 | - Màu sắc: Màu trắng<br>- Loại vải: Kate ford hoặc tương đương<br>- Quy cách & Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, cúc nhựa cùng màu vải, ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5cm. Quần: Lưng thun bản rộng 2-3 cm (±0,3 cm), may chắc chắn chống xoắn, dồn thun, 2 túi chéo. Mũ: Vải đồng bộ với áo quần.<br>- In logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 8 | Trang phục KV Phẫu Thuật, GMHS ( áo, quần, mũ). | Bộ | 5 | - Màu sắc: Xanh cổ vịt theo mẫu màu do Chủ đầu tư cung cấp/xác nhận<br>- Loại vải: Kate ford hoặc tương đương<br>- Quy cách & Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, cúc nhựa cùng màu vải, ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần: Lưng thun bản rộng 2-3 cm (±0,3 cm), may chắc chắn chống xoắn, dồn thun, 2 túi chéo. Mũ: Vải đồng bộ với áo quần.<br>- In logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 9 | Trang phục Hộ lý (Áo, quần, mũ) | Bộ | 19 | - Loại vải: Kate ford .<br>- Màu sắc: Màu xanh hòa bình.<br>- Quy cách & Kiểu dáng: Theo quy định tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần:Lưng thun bản rộng 2-3 cm (±0,3 cm), may chắc chắn chống xoắn, dồn thun, 2 túi chéo. Mũ: Vải đồng bộ với áo quần<br>- logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 10 | Trang phục nhân viên Hành chính Nam ( Áo + quần) | Bộ | 6 | - Vải áo: Loại vải: kate ford, màu sắc trắng. Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, ngắn tay<br>- Vải quần: Kaki thun, màu sắc: đen. Kiểu dáng: Quần âu 2 lý, 2 túi chéo, 1 túi sau<br>- logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 11 | Trang phục nhân viên Hành chính Nữ ( Áo + chân váy) | Bộ | 19 | - Vải áo: Loại vải: kate ford, màu sắc trắng. Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đức, cài cúc giữa, ngắn tay<br>- Vải váy: Kaki thun, màu sắc: đen. Kiểu dáng: chân váy jupe, chiều dài quá gối, có lớp lót bên trong.<br>- Logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 12 | Trang phục KTV thiết bị y tế, Kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, lái xe | Áo | 12 | - Màu sắc: Màu xanh (theo mẫu chủ đầu tư duyệt)<br>- Loại vải áo: Kate ford hoặc kate .<br>- Quy cách & Kiểu dáng: Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế. Áo kiểu bu dông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Quần âu 2 ly , có 1 túi sau<br>- In logo: In logo Bệnh viện trên ngực trái áo theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Quy cách cung cấp: May đo theo số đo thực tế của từng cá nhân. |
| 13 | Dài băng tiếp đón ( gắn trên cánh tay trái áo) | cái | 6 | - Màu sắc: Màu xanh dương (Royal Blue), đồng nhất, theo mẫu màu do Chủ đầu tư cung cấp/xác nhận.<br>- Kích thước: Chiều rộng 10 cm; chiều dài phù hợp, có khả năng điều chỉnh theo vòng cánh tay.<br>- Chất liệu: Vải polyester hoặc vải pha polyester, bền, ít nhăn, không phai màu, phù hợp sử dụng và giặt thường xuyên.<br>- Nội dung: In dòng chữ "NHÂN VIÊN TIẾP ĐÓN" rõ nét, dễ đọc, màu chữ tương phản với nền vải.<br>- Thiết kế dạng dải băng vòng cánh tay, sử dụng khóa bấm nhựa hoặc khóa cài nhựa điều chỉnh |
| 14 | Ruột gối người lớn | Cái | 129 | - Chất liệu: Ruột bằng bông gòn xơ Polyester loại 1 hoặc tương đương; vỏ bọc bằng vải CVC hoặc Cotton.<br>- Kích thước: 40 × 50 cm (±2 cm); trọng lượng ruột gối từ 600–700 g; bông phân bố đều, đàn hồi tốt, không vón cục, không xô lệch trong quá trình sử dụng và giặt thông thường.<br>- Quy cách may: May kín, đường may đều, chắc chắn, vắt sổ mép; không sổ chỉ, không để lộ bông, bảo đảm độ bền trong quá trình sử dụng và giặt |
| 15 | Ruột gối nhi | Cái | 30 | - Chất liệu: Ruột bằng bông xơ Polyester loại 1 hoặc tương đương; vỏ bọc bằng vải 100% Cotton hoặc tương đương.<br>- Kích thước: 35 × 50 cm (±2 cm); trọng lượng ruột gối từ 250–300 g; bông phân bố đều, đàn hồi tốt, không vón cục, không xô lệch trong quá trình sử dụng và giặt thông thường.<br>- Quy cách may: May kín, đường may đều, chắc chắn, vắt sổ mép; không sổ chỉ, không để lộ bông, bảo đảm độ bền trong quá trình sử dụng và giặt. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 16 | Vỏ gối nhi | Cái | 30 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% cotton hoặc tương đương; không phai màu, phù hợp giặt và sấy theo quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK).<br>- Kích thước: 35 x 50 cm (± 2 cm). Màu sắc: Xanh lá cây đậm<br>- Quy cách may: Thiết kế lộn mép nắp giấu ruột gối sâu (12-15cm), không dùng khóa kéo. in logo Bệnh viện góc gối. |
| 17 | Vỏ gối bệnh nhân người lớn | Cái | 103 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% cotton hoặc tương đương, không phai màu, phù hợp giặt và sấy theo quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK).<br>- Kích thước: 50 × 70 cm (±2 cm); màu xanh lá cây đậm.<br>- Quy cách may: May gấp nắp lộn, phần nắp giấu ruột sâu ≥15 cm; không sử dụng dây kéo; đường may chắc chắn, không sổ chỉ, không bung mép; in logo Bệnh viện tại góc gối. |
| 18 | Ra trải giường (chun viền) | Cái | 87 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% cotton hoặc tương đương, không phai màu, phù hợp giặt và sấy theo quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK).<br>- Màu xanh lá cây đậm.<br>- Kích thước: Phù hợp đệm bệnh viện kích thước 1,1 × 2,2 m; may ôm sát, phủ kín bề mặt và các cạnh đệm.<br>- Quy cách may: Ga chun bo quanh 4 góc và viền, độ co giãn phù hợp, bọc kín đệm; đường may chắc chắn,không bung/sổ chỉ trong quá trình sử dụng và giặt sấy. |
| 19 | Áo oxy | Cái | 6 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% cotton hoặc tương đương, không phai màu, phù hợp giặt và sấy theo quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK).<br>- KT 130cm x70cm.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Quy cách may: May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. In logo Bệnh viện |
| 20 | Săng gói dụng cụ (10 x 10 cm) | Cái | 3 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương, định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 10 x 10 cm (± 1 cm).<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 21 | Săng gói dụng cụ (40 x 40 cm) | Cái | 4 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương, định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 40 x 40 cm (± 1 cm).<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 22 | Săng gói dụng cụ (50 x 50 cm) | Cái | 71 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 50 x 50 cm (± 1 cm).<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 23 | Săng gói dụng cụ (60 x 60 cm) | Cái | 14 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 60 x 60 cm (± 1 cm).<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 24 | Săng gói dụng cụ (80 x 80 cm) | Cái | 20 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 80 x 80 cm (± 1 cm).<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 25 | Săng gói dụng cụ (120 x 120 cm) | Cái | 59 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương, định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 120 x 120 cm (± 1 cm).<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 26 | Săng lỗ (50 x 50 cm, lỗ Ø10 cm) | Cái | 9 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương, định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 50 x 50 cm (± 1 cm), ở giữa có lỗ phẫu thuật Ø10 cm<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 27 | Săng lỗ (120 x 120 cm, lỗ Ø10 cm) | Cái | 25 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 120 x 120 cm (± 1 cm), ở giữa mổ lỗ Ø10 cm<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 28 | Săng trải bàn mổ | Cái | 20 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương, định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 150cm x 250 cm<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 29 | Săng đậy xe đựng dụng cụ cấp cứu YHCT | Cái | 1 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 100cm x100 cm<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |
| 30 | Ra đắp mổ | Cái | 20 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước; 120cm x 120 cm:<br>- May cuộn viền chắc chắn, lại mũi kỹ các điểm chịu lực. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 31 | Nệm bọc da | Cái | 22 | - Chất liệu: Áo bọc ngoài bằng Simili/Da PU hoặc tương đương, bề mặt chống thấm nước, dễ lau chùi và khử khuẩn; ruột bằng mút xốp nguyên khối, đàn hồi tốt, không xẹp lún bất thường.<br>- Kích thước: 90 cm x 190cm x 5 cm (sai số ±1 cm đối với chiều dài, chiều rộng; chiều cao không thấp hơn 5 cm.) |
| 32 | Ống luồn dây nội soi | Cái | 13 | - Chất liệu: Vải Kaki 100% Cotton hoặc tương đương định lượng ≥ 250 g/m², chịu tiệt trùng hấp sấy áp lực cao, vải dệt chắc, không phai màu.<br>- Màu sắc: xanh lá cây đậm<br>- Kích thước: 15cm x 150 cm<br>- Quy cách: Dạng ống tròn dài bảo vệ dây soi |
| 33 | Chăn len nỉ KSNK | Cái | 30 | - Chất liệu: Vải fleece 100% Polyester hoặc tương đương, mềm, nhẹ, giữ nhiệt tốt, không đổ lông/ít xù lông, phù hợp giặt sấy theo quy trình KSNK.<br>- Kích thước: 180 × 200 cm (± 2 cm); khối lượng: 1.000 g ± 50 g. |
| 34 | Chiếu nhựa KSNK | cái | 50 | - Kích thước: 1m x 2m<br>- May viền vải bao quanh |
| 35 | Bộ áo quần bệnh nhân người lớn (Khoa Nội) | Bộ | 50 | - Chất liệu: Vải CVC, Kate y tế hoặc tương đương<br>- Màu sắc: Xanh lam.<br>- Kiểu dáng: Theo quy định đối với trang phục người bệnh tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau, lưng thun bản 2cm.<br>- Mác nhận diện: May cố định ở mặt trong áo, tại vị trí dưới cổ sau; ghi rõ "KHOA NỘI" và cỡ áo (M/L/XL/XXL); mác bằng vải mềm, không gây cộm, kích ứng khi sử dụng.<br>- Quy cách may: Đường may đều, chắc chắn; may chập, vắt sổ; các vị trí chịu lực được lại mũi; không bỏ mũi, không sổ chỉ.<br>- Logo: In logo Bệnh viện tại ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Kích cỡ: Size M: 10 bộ; Size L: 20 bộ; Size XL: 15 bộ; Size XXL: 05 bộ. |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| 36 | Bộ áo quần bệnh nhân người lớn (Khoa Y học cổ truyền) | Bộ | 10 | - Chất liệu: Vải CVC, Kate y tế hoặc tương đương<br>- Màu sắc: Xanh lam.<br>- Kiểu dáng: Theo quy định đối với trang phục người bệnh tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau, lưng thun bản 2cm.<br>- Mác nhận diện: May cố định ở mặt trong áo, tại vị trí dưới cổ sau; ghi rõ "KHOA YHCT" và cỡ áo (M/L/XL/XXL); mác bằng vải mềm, không gây cộm, kích ứng khi sử dụng.<br>- Quy cách may: Đường may đều, chắc chắn; may chập, vắt sổ; các vị trí chịu lực được lại mũi; không bỏ mũi, không sổ chỉ.<br>- Logo: In logo Bệnh viện tại ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Kích cỡ: Size XXL 10 bộ |
| 37 | Bộ áo quần bệnh nhân người lớn (Khoa Ngoại) | Bộ | 20 | - Chất liệu: Vải CVC, Kate y tế hoặc tương đương<br>- Kiểu dáng: Theo quy định đối với trang phục người bệnh tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau, lưng thun bản 2cm.<br>- Mác nhận diện: May cố định ở mặt trong áo, tại vị trí dưới cổ sau; ghi rõ "KHOA NGOẠI" và cỡ áo (M/L/XL/XXL); mác bằng vải mềm, không gây cộm, kích ứng khi sử dụng.<br>- Quy cách may: Quy cách may: Đường may đều, chắc chắn; may chập, vắt sổ; các vị trí chịu lực được lại mũi; không bỏ mũi, không sổ chỉ.<br>- Logo: In logo Bệnh viện tại ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Kích cỡ: Size L: 10, size XXL 10 |
| 38 | Bộ áo quần bệnh nhân người lớn (Khoa Liên chuyên khoa) | Bộ | 10 | - Chất liệu: Vải CVC, Kate y tế hoặc tương đương.<br>- Màu sắc: Xanh lam.<br>- Kiểu dáng: Theo quy định đối với trang phục người bệnh tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau, lưng thun bản 2cm.<br>- Mác nhận diện: May cố định ở mặt trong áo, tại vị trí dưới cổ sau; ghi rõ "KHOA LCK" và cỡ áo (M/L/XL/XXL); mác bằng vải mềm, không gây |

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Kiểu dáng |
|---|---|---|---|---|
| | | | | cộm, kích ứng khi sử dụng.<br>- Quy cách may: Đường may đều, chắc chắn; may chập, vắt sổ; các vị trí chịu lực được lại mũi; không bỏ mũi, không sổ chỉ.<br>- Logo: In logo Bệnh viện tại ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp<br>- Kích cỡ: Size L 5, size XXL 5 |
| 39 | Bộ áo quần bệnh nhân người lớn (Khoa Cấp cứu HSTC – CĐ) | Bộ | 10 | - Chất liệu: Vải CVC, Kate y tế hoặc tương đương<br>- Màu sắc: Xanh lam.<br>- Kiểu dáng: Theo quy định đối với trang phục người bệnh tại Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. Áo kiểu pyjama, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi. Quần kiểu pyjama, kéo dây rút, có 1 túi sau, lưng thun bản 2cm.<br>- Mác nhận diện: May cố định ở mặt trong áo, tại vị trí dưới cổ sau; ghi rõ "KHOA CCHS" và cỡ áo (M/L/XL/XXL); mác bằng vải mềm, không gây cộm, kích ứng khi sử dụng.<br>- Quy cách may: Đường may đều, chắc chắn; may chập, vắt sổ; các vị trí chịu lực được lại mũi; không bỏ mũi, không sổ chỉ.<br>- Logo: In logo Bệnh viện tại ngực trái theo mẫu do Chủ đầu tư cung cấp.<br>- Kích cỡ: size L: 10 |

**PHỤ LỤC II**

**THÔNG SỐ THAM KHẢO CHẤT LIỆU VẢI**

*(Kèm theo Thư mời báo giá số 72/TTM-BVĐKVL ngày 03/3/2026)*

| Stt | Loại vải | Nội dung yêu cầu | Kết quả yêu cầu |
|---|---|---|---|
| 1 | Kaki thun trắng / Kaki chun co giãn | Thành phần nguyên liệu | Polyester: 70%–76%<br>Rayon/Viscose: 22%–26%<br>Spandex: 1,8%–2,5% |
| | | Khổ rộng (cm) | ≥150 cm |
| | | Mật độ (sợi/inch) | Dọc: 110–125 Ngang: 75–88 |
| | | Khối lượng thực tế (g/m2) | ≥150 g/m2 |
| | | Độ bền màu giặt (A)1 40∘C (Cấp) | ≥ Cấp 4 |
| | | Độ bền màu với ma sát (cấp) | Khô: ≥ Cấp 4; Ướt: ≥ Cấp 3-4 |
| | | Thay đổi kích thước sau giặt 40∘C và làm khô (%) | Dọc/Ngang không quá ±2% |
| | | Hàm lượng Formaldehyd (mg/kg) | Không phát hiện |
| | | Các Amin thơm giải phóng từ chất màu Azo (mg/kg) | Không phát hiện |
| 2 | Kate Ford trắng / màu | Thành phần nguyên liệu | Polyester: 60%–67%<br>Cotton/Bông: 33%–40% |
| | | Khổ rộng (cm) | ≥150 cm |
| | | Mật độ (sợi/inch) | Dọc: 70–75Ngang: 64–68 |
| | | Khối lượng thực tế (g/m2) | 150–165 g/m2 |
| | | Độ bền màu giặt (A)1 40∘C (Cấp) | ≥ Cấp 4 |
| | | Độ bền màu với ma sát (cấp) | Khô: ≥ Cấp 4; Ướt: ≥ Cấp 3-4 |
| | | Thay đổi kích thước sau giặt 40∘C và làm khô (%) | Dọc/Ngang không quá ±2% |
| | | Hàm lượng Formaldehyd (mg/kg) | Không phát hiện |
| | | Các Amin thơm giải phóng từ chất màu Azo (mg/kg) | Không phát hiện |
| 3 | Vải CVC y tế cao cấp | Thành phần nguyên liệu | Cotton/Bông: 60%–67%<br>Polyester: 33%–40% |
| | | Kiểu dệt | Dệt chéo (Twill 2/1 hoặc 2/2) |
| | | Khổ rộng (cm) | ≥150 cm |

| Stt | Loại vải | Nội dung yêu cầu | Kết quả yêu cầu |
|---|---|---|---|
| | | Mật độ (sợi/inch) | Dọc: 105−115Ngang: 72−80 |
| | | Khối lượng thực tế (g/m2) | 180−195 g/m2 |
| | | Độ bền vón xù (ISO 12945-2) (Cấp) | ≥ Cấp 3-4 |
| | | Độ bền màu giặt (A)1 60∘C (Cấp) | ≥ Cấp 4 |
| | | Độ bền màu với ma sát (cấp) | Khô: ≥ Cấp 4; Ướt: ≥ Cấp 3-4 |
| | | Thay đổi kích thước sau giặt 60∘C và làm khô (%) | Dọc/Ngang không quá ±2% |
| | | Hàm lượng Formaldehyd (mg/kg) | Không phát hiện |
| | | Các Amin thơm giải phóng từ chất màu Azo (mg/kg) | Không phát hiện |
| 4 | Vải CVC / Kate y tế | Thành phần nguyên liệu | Cotton/Bông: 60%−67%<br>Polyester: 33%−40% |
| | | Khổ rộng (cm) | ≥150 cm |
| | | Mật độ (sợi/inch) | Dọc: 105−115 Ngang: 72−80 |
| | | Khối lượng thực tế (g/m2) | 175−188 g/m2 |
| | | Độ bền màu giặt (A)1 40∘C (Cấp) | ≥ Cấp 4 |
| | | Độ bền màu với ma sát (cấp) | Khô: ≥ Cấp 4; Ướt: ≥ Cấp 3-4 |
| | | Thay đổi kích thước sau giặt 40∘C và làm khô (%) | Dọc/Ngang không quá ±2% |
| | | Hàm lượng Formaldehyd (mg/kg) | Không phát hiện |
| | | Các Amin thơm giải phóng từ chất màu Azo (mg/kg) | Không phát hiện |
| 5 | Vải Kaki 100% Cotton | Thành phần nguyên liệu | Cotton/Bông: 98%−100% |
| | | Khổ rộng (cm) | ≥150 cm |
| | | Mật độ (sợi/inch) | Dọc: 100−112 Ngang: 54−62 |
| | | Khối lượng thực tế (g/m2) | 240−260 g/m2 |
| | | Độ bền màu giặt (A)1 40∘C (Cấp) | ≥ Cấp 4 |
| | | Độ bền màu với ma sát (cấp) | Khô: ≥ Cấp 4; Ướt: ≥ Cấp 3-4 |
| | | Thay đổi kích thước sau | Dọc/Ngang không quá ±2,5% |

| Stt | Loại vải | Nội dung yêu cầu | Kết quả yêu cầu |
|---|---|---|---|
| | | giặt 40◦C và làm khô (%) | |
| | | Hàm lượng Formaldehyd (mg/kg) | Không phát hiện |
| | | Các Amin thơm giải phóng từ chất màu Azo (mg/kg) | Không phát hiện |
| | | | |

Các thông số dưới trên được đưa ra nhằm mô tả mặt bằng chất lượng của loại vải tham khảo để các đơn vị có cơ sở xây dựng báo giá. Đơn vị báo giá có thể chào loại vải khác hoặc tương đương, có thông số kỹ thuật cao hơn hoặc phù hợp hơn với mục đích sử dụng; trường hợp chào loại vải khác, đề nghị ghi rõ tên vải, thành phần, định lượng và các thông số kỹ thuật chính trong báo giá.

Đề nghị báo giá các hạng mục trang phục có mức giá tương đương, phù hợp với cùng phân khúc chất lượng của gói mua sắm.